TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH KIÊN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 65/2023/DS-ST.
Ngày: 13/9/ 2023
"Về tranh chấp di sản thừa kế,
Yêu cầu công nhận QSD đất và hủy
GCN QSD đất"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂNDÂN TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Quang Tấn

Các Hội thẩm nhân dân:Bà Đào Thị KimLoan

Ông Đỗ Xuân Vinh

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:Ông Trần Quốc Sang-Thư ký Tòa án,Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giangtham gia phiên tòa:Ông Trịnh Văn Đương- Kiểm sát viên.

Trong ngày 13 tháng 9 năm 2023, tại phòng xử án của Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 80/2020/TLST-DS ngày 9 tháng 11 năm 2020,về "Tranh chấp di sản thừa kế, yêu cầu công nhận quyền sử dụng đất và huỷ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 171/2023/QĐXXST-DS ngày 25 tháng 8 năm 2023,giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1977. Địa chỉ: ấp B T, xã T, huyện A, tỉnh Kiên Giang.(có mặt)

Bị đơn: Bà Dương Thị S(X), sinh năm 1954. Địa chỉ: ấp B T, xã T, huyện A, tỉnh Kiên Giang.(có mặt)

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1.Ủy ban nhân dân huyện A. Địa chỉ: khu phố C, thị trấn T, huyện A, tỉnh Kiên Giang.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Công T1, chức vụ: Chủ tịch UBND huyện A.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Bùi Hồng N, chức vụ: Trưởng Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện A. (vắng mặt)

2. Ông Nguyễn Văn N1(N3), sinh năm 1964.Địa chỉ: 3 SANCAMILLETTSAINTCHARLESS Mo63303 – 4116. (vắng mặt)

3. Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1961. Địa chỉ: ấp X, xã T, huyện G, tỉnh Kiên Giang. (vắng mặt)

4. Ông Nguyễn Văn T2, sinh năm 1961.(vắng mặt)

5. Ông Nguyễn Văn M, sinh năm 1965.(vắng mặt)

6. Bà Nguyễn Thị M1, sinh năm 1967.(vắng mặt)

7. Ông Nguyễn Văn T3, sinh năm 1976.(vắng mặt)

8. Ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1984.(vắng mặt)

Cùng địa chỉ: ấp 2 Tốt, xã Tây Yên A, huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang

9. Ông Nguyễn Văn Đ1, sinh năm 1963. Địa chỉ: ấp L, xã T, huyện G, tỉnh Kiên Giang.(có mặt)

10. Bà Nguyễn Thị N2, sinh năm 1978. Địa chỉ: ấp P, xã M, huyện C, tỉnh Kiên Giang. (vắng mặt)

*Người đại diện theo ủy quyền của bà L, ông T2, ông M, ông T3, ông Đ, ông Đ1, bà N2:*Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1977. Địa chỉ: ấp B T, xã T, huyện A, tỉnh Kiên Giang.(có mặt)

11. Anh Nguyễn Thanh L1, sinh năm 1973. (vắng mặt)

12. Anh Nguyễn Hoàng M2, sinh năm 1975.(vắng mặt)

13. Anh Nguyễn Hữu T4, sinh năm 1977.(vắng mặt)

Cùng địa chỉ: ấp B, xã T, huyện A, tỉnh Kiên Giang

14. Chị Nguyễn Thùy L2, sinh năm 1971. Địa chỉ: ấp A, xã N, huyện K, tỉnh Kiên Giang. (có mặt)

*Người đại diện theo ủy quyền của chị L2, anh L1, anh M2, anh T4:*Bà Dương Thị S(X), sinh năm 1954. Địa chỉ: ấp B T, xã T, huyện A, tỉnh Kiên Giang.(có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, chứng cứ có trong hồ sơ nguyên đơn bàNguyễn Thị T và là người đại diện theo uỷ quyền của bà L, ông T2, ông M, ông T3, ông Đ, ông Đ1, bà N2trình bày:

Nguyên trước đây vào năm 1976, ông nội bà là ông Nguyễn Văn Đ2có cho cha bà là Nguyễn Văn S1một phần đất biền lá ngang 35m, dài 50m.

Cha bà sử dụng đến năm 2010 thì cha bà dỡ nhà đi về Vàm Mương Qở, phần đất này không có ai quản lý, cho đến năm 2012 cha bà lập tờ di chúc cho bà toàn bộ diện tích đất này, lúc đó phần đất này cha bà chưa được cấp giấy chứng nhận QSD đất. Đến năm 2015 thì cha bà mất, mẹ bà là Trần Thị L3mất vào tháng 6 năm 2011.

Phần đất này có một mặt giáp với đất của bà Dương Thị X1là thím dâu của bà nhưng không biết lý do gì mà bà X1kêu địa chính đến đo phần đất của cha bà đã làm di chúc cho bà nên bà đứng ra ngăn cản, từ đó phát sinh tranh chấp.

Nay bà yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết công nhận tờ di chúc ngày 15/02/2012 của cha bà là Nguyễn Văn S1lập là hợp pháp, đồng thời công nhận cho bà diện tích theo đo đạc thực tế là 1.388,4m^2, chiều ngang mặt lộ là 27m, chiều ngang mặt hậu là 32,2m, chiều dài một bên là 48,2m, một bên là 46m.

Đồng thời yêu cầu hủy bỏ một phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông Nguyễn Văn Ú.

Đối với tờ di chúc cho cha bà lúc còn sống đưa lại cho bà giữ còn do ai viết thì bà không biết, bà xác định nội dung di chúc không phải do cha bà viết nhưng chữ ký trong tờ di chúc là chữ ký của cha bà, còn đối với chữ viết tên Trần Thị L3trong tờ di chúc thì bà không biết là ai viết vì lúc đó mẹ bà đã mất, khi cha bà giao tờ di chúc cho bà thì bà không có hỏi là ai viết.

Bị đơn bà Dương Thị X1 và là người đại diện theo uỷ quyền của chị L2, anh L1, anh M2, anh T4trình bày:

Theo yêu cầu và ý kiến của cháu dâu bà là Nguyễn Thị Tthì bà không đồng ý, vì phần đất trước đây là của cha mẹ chồng bà là ông Nguyễn Văn Đ2và bà Châu Thị Ccho vợ chồng bà, phần đất này được Nhà nước cấp bằng khoán cho chồng bà đứng tên là Nguyễn Văn Ú, chồng bà đã mất năm 2011.

Do đó bà có Đơn phản tố yêu cầu Tòa án xem xét công nhận QSD đất diện tích đất diện tích 1.388,4m^2 tọa lạc tại ấp H, xã T, huyện A, tỉnh Kiên Giang cho bà và đồng thời yêu cầu xem xét hủy bỏ tờ di chúc do ông Nguyễn Văn Sáng lvới nội dung cho phần đất mà chồng bà đứng tên trên giấy chứng nhận QSD đất cho bà Nguyễn Thị T.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ủy ban nhân dân huyện Ado người đại diện hợp pháp trình bày tại Công văn số 333/UBND-NCPC ngày 27/8/2018:

Diện tích đất 1.388,4m^2 theo biên bản đo đạc thẩm định ngày 02/5/2018 của TAND huyện An Biên đã cấp Giấy chứng nhận QSD đất (bìa xanh) ngày 30/10/1996, tại thửa số 58, tờ bản đồ số 5-4 (do sơ xuất nên địa chính xã ghi thửa 51, tờ bản đồ số 3-1) diện tích 5.296m^2 loại đất lá, cấp theo hình thức công nhận QSD đất và cấp cho hộ ông Nguyễn Văn Ú, nên khi đổi giấy bìa đỏ vẫn ghi hộ là phù hợp.

Trường hợp diện tích trên chưa được cấp QSD đất thì khi xét xử phần đất này vẫn được công nhận QSD đất và phù hợp với quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020.

Ủy ban nhân dân huyện Acấp giấy chứng nhận QSD đất lần đầu cho ông Nguyễn Văn Útọa lạc tại ấp M (nay là M), xã T, huyện A, tỉnh Kiên Giangla đúng trình tự, thủ tục, đúng đối tượng theo quy định của pháp luật đất đai năm 1993 nên việc bà Nguyễn Thị Tyêu cầu hủy giấy chứng nhận QSD đất của ông Nguyễn Văn Úlà không có cơ sở xem xét.

Ông Nguyễn Văn Đ1trình bày:

Thống nhất với trình bày và yêu cầu của bà Nguyễn Thị T, yêu cầu xem xét công nhận cho bàTdiện tích theo đo đạc thực tế là 1.388,4m^2 tọa lạc tại ấp H, xã T, huyện A, tỉnh Kiên Giangdo nguồn gốc đất do ông bà để lại chứ không phải đất do ông Nguyễn Văn Útạo lập nên việc ông Úđứng tên trên giấy chứng nhận QSD đất là không đúng.

Bà Nguyễn Thị L4trình bày:

Thống nhất với lời trình bày và yêu cầu của mẹ tôi là bà Dương Thị S, yêu cầu Tòa án xem xét công nhận QSD đất diện tích đất diện tích 1.388,4m^2 tọa lạc tại ấp H, xã T, huyện A, tỉnh Kiên Giang cho mẹ tôi là bàDương Thị S và đồng thời yêu cầu xem xét hủy bỏ tờ di chúc do ông Nguyễn Văn Sáng l cho đất bà T.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Văn N1(Nghe V N) đã được Toà án tống đạt hợp lệ nhưng không có ý kiến trình bày gửi cho Toà án nên không có bản lời khai.

Tại phiên tòa: các đương sự không có ý kiến hay khiếu nại gì về Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ, ngày 2/5/2018 của Tòa án huyện An Biên và kết quả định giásố: Vc 18/9/120/CT-TVAPngày 17/9/2018 của Công ty TNHH Đ3 đối với vật kiến trúc và công trìnhtrên đất tranh chấp.

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị T:Yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết công nhận tờ di chúc ngày 15/02/2012 của cha bà là Nguyễn Văn S1lập là hợp pháp, công nhận cho bà diện tích theo đo đạc thực tế là 1.388,4m^2, chiều ngang mặt lộ là 27m, chiều ngang mặt hậu là 32,2m, chiều dài một bên là 48,2m, một bên là 46m.

Yêu cầu hủy bỏ một phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông Nguyễn Văn Ú.

Bị đơn bàDương Thị S(Xứng):Đề nghị bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn do nội dung khởi kiện của nguyên đơn không có căn cứ. Bà tự nguyện hỗ trợ cho bà Tsố tiền 10.000.000 đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án: Đương sự, Thẩm phán, Hội đồng xét xử thực hiện đúng theo quy định tố tụng về quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm trong quá trình giải quyết vụ án. Tuy nhiên Thẩm phán ra quyết định xét xử quá thời hạn chuẩn bị xét xử theo điều 203 BLTTDS, nên cần chủ động hơn đối với những vụ án sau. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị T.

Ghi nhận sự tự nguyện của bà X1hỗ trợ cho bà T10.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét, thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tỉnh Kiên Giang, nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tụctố tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Đây là vụ án " tranh chấp di sản thừa kế, yêu cầu công nhận quyền sử dụng đất và yêu cầu huỷ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất" đương sự người liên quan có yếu tố nước ngoài, theo khoản 9 Điều 26, Điều 34, Điều 37 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và khoản 4 Điều 32 Luật Tố tụng hành chính, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết sơ thẩmcủa Toà án nhân dân tỉnh Kiên Giang.

[1.2] Về sự có mặt, vắng mặt của đương sự:

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: bà L, ông T2, ông M, ông T3, ông Đ, ông Đ1, bà N2 vắng mặt có văn bản uỷ quyền cho *nguyên đơn* bà Nguyễn Thị T, tham gia tố tụng. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: chị L4, anh L1, anh M2,

anh T4 vắng mặt có văn bản uỷ quyền chobị đơn bà Dương Thị S(Xứng) tham gia tố tụng,người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn N1vắng mặt, Ủy ban nhân dân huyện Acó đơn xin vắng mặt. Căn cứ vào các Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt đối với những người trên.

[2] Về nội dung:

[2.1] Nguyên đơn khởi kiện tranh chấp phần diện tích1.388,4m^2, chiều ngang mặt lộ là 27m, chiều ngang mặt hậu là 32,2m, chiều dài một bên là 48,2m, một bên là 46m.Đã được cấpGiấy chứng nhận QSD đất (bìa xanh) ngày 30/10/1996, tại thửa số 58, tờ bản đồ số 5-4, diện tích 5.296m^2 loại đất lá, cấp theo hình thức công nhận QSD đất và cấp cho hộ ông Nguyễn Văn Ú.

Nguyên đơnyêu cầu Tòa án giải quyết:

Công nhân di chúc,công nhận phần đất đang tranh chấp có diện tích 1.388,4m^2 của bà Dương Thị S(X), huỷ GCN QSD đất cấp cho ông Nguyễn Văn Ú. Đồng thời buộc bà Dương Thị X1 cùng các con giao trả lại cho nguyên đơn diện tích 1.388,4m^2.

[2.2] Xét yêu cầu của nguyên đơn HĐXX nhận thấy:

Nguồn gốc thửa đất diện tích1.388,4m^2, chiều ngang mặt lộ là 27m, chiều ngang mặt hậu là 32,2m, chiều dài một bên là 48,2m, một bên là 46m.Đã được cấpGiấy chứng nhận QSD đất (bìa xanh) ngày 30/10/1996, tại thửa số 58, tờ bản đồ số 5-4, diện tích 5.296m^2 loại đất lá, cấp theo hình thức công nhận QSD đất và cấp cho hộ ông Nguyễn Văn Ú. Theo văn bản số 333/UBND-NCPC ngày 27/8/2018 của UBND huyện A trả lời cho Toà án nhân dân tỉnh Kiên Giang đã khẳng định:

Ủy ban nhân dân huyện Acấp giấy chứng nhận QSD đất lần đầu cho ông Nguyễn Văn Útọa lạc tại ấp M (nay là M), xã T, huyện A, tỉnh Kiên Giangla đúng trình tự, thủ tục, đúng đối tượng theo quy định của pháp luật đất đai năm 1993. Việc cấp giấy chứng nhận QSD đất cho ông Útừ trước năm 1996 hiện tại Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Avẫn còn lưu giữ Giấy chứng nhận QSD đất bìa xanh và sơ đồ địa chính làm cơ sở cấp giấy chứng nhận QSD đất trước đây. Nên việc bà Nguyễn Thị Tyêu cầu hủy giấy chứng nhận QSD đất của ông Nguyễn Văn Úlà không có cơ sở xem xét.

Như vậy có cơ sở để khẳng định Giấy chứng nhận QSD đất (bìa xanh) ngày 30/10/1996, tại thửa số 58, tờ bản đồ số 5-4, diện tích 5.296m^2 loại đất lá, cấp theo

hình thức công nhận QSD đất và cấp cho hộ ông Nguyễn Văn Ú, đúng quy định pháp luật, nên có giá trị pháp lý, gia đình bà Dương Thị S(Xứng) có quá trình quản lý, sử dụng phần đất này. Vì vậy yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Tbuộc bà Dương Thị S(X1) trả lại đất là không có căn cứ.

Mặc khác căn cứ pháp lý để nguyên đơn khởi kiện là tờ di chúc tay do ông Nguyễn Văn Sáng lvào năm 2012 và quá trình sử dụng đất của ông S1từ năm 1976 đến năm 2010, từ năm 2010 đến nay ông S1 không sử dụng phần đất này. Xét nội dung và hình thức tờ di chúc mà nguyên đơn cung cấp không có giá trị pháp lý bởi lẻ di chúc lập năm 2012 di chúc tay không có công chứng, chứng thực. Thời điểm lập di chúc bà L5đã chết năm 2011, nhưng trong di chúc lại có chử ký của bà L5. Ông S1chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, nên ông S1không có quyền định đoạt đối với phần đất này. Do vậy căn cứ này là không có cơ sở để xem xét.

[2.3] về việc xem xét yêu cầu huỷ Giấy chứng nhận QSD đất (bìa xanh) ngày 30/10/1996, tại thửa số 58, tờ bản đồ số 5-4, diện tích 5.296m^2 loại đất lá, cấp theo hình thức công nhận QSD đất và cấp cho hộ ông Nguyễn Văn Ú. Và công nhận phần đất tranh chấp cho gia đình nguyên đơn sử dụng

Xét về thủ tục thì hồ sơ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho ông Nguyễn Văn Ú, được Ủy Ban nhân dân huyện Akhẳng định Tại công văn số 333/UBND–NCPC ngày 27/8/2018 của Ủy ban nhân dân huyện Axác định việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Văn Ú là đúng trình tự thủ tục, nên yêu cầu của bà Nguyễn Thị Tvề việc hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của Ủy ban nhân dân huyện Acấp cho ông Nguyễn Văn Ú làkhông đúng pháp luật.

[3] Về giá đất vàxem xét tài sản trên đất:

Các bên đương sự thống nhất lấy kết quả định giá tại chứng thư định giásố: Vc 18/9/120/CT-TVAPngày 17/9/2018 của Công ty TNHH Đ3đối với vật kiến trúc và công trình trên đất tranh chấp, để làm cơ sở xét xử.Các đương sự không yêu cầu xem xét, thẩm định tại chổ và định giá lại quyền sử dụng đất đang tranh chấp.

Bà Dương Thị X1cam kết giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hiện nay gia đình đang quản lý không thế chấp, cầm cố cho ai.

[4] Về chi phí thẩm định và định giá: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn không được chấp nhận, nên nguyên đơn phải chịu toàn bộchi phí thẩm định, định giá tổng cộng là 2.423.000nguyên đơn đã nộp xong.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm:

[5.1] Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn không được chấp nhận nên nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch.

[6] Phần đề nghị của Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của HĐXX nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 9 Điều 26, Điều 34, Điều 37, Điều 273; Điều 138, khoản 1 Điều 147, Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sựnăm 2015.

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Áp dụng các Điều 31, 37, 49, 50, 52, 75 Luật đất đai 2003, Điều 203 Luật đất đai năm 2013; Nghị định 181/NĐ-CP ngày 29/10/2004 và Nghị định 84/NĐ-CP ngày 25/5/2007 và Thông tư số 08/2007/TT-BTNMT ngày 28/4/2007.

Tuyên xử:

1. Khôngchấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Tvề việc buộc bà Dương Thị S(X1) trả lại diên tích đất 1.388,4m^2, chiều ngang mặt lộ là 27m, chiều ngang mặt hậu là 32,2m, chiều dài một bên là 48,2m, một bên là 46m.Đã được cấpGiấy chứng nhận QSD đất (bìa xanh) ngày 30/10/1996, tại thửa số 58, tờ bản đồ số 5-4, diện tích 5.296m^2 loại đất lá,cấp cho hộ ông Nguyễn Văn Ú.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:Hủy giấy chứngnhận quyền sử dụng đất(bìa xanh) ngày 30/10/1996, tại thửa số 58, tờ bản đồ số 5-4,diện tích 5.296m^2 loại đất lá,cấp cho hộ ông Nguyễn Văn Ú.

3. Ghi nhận sự tự nguyện của bà Dương Thị S(X1) hỗ trợ cho bà Nguyễn Thị Tsố tiền 10.000.000đ*(Mười triệu đồng)*.

4.Chi phí tố tụng:

4.1. Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Bà Nguyễn Thị T chịu toàn bộ chi phí đo đạc, thẩm định giá là 2.423.000 đồng,bà T đã nộp xong.

4.2. Chi phí ủy thác Tư Pháp: Bà Nguyễn Thị T chịu toàn bộ chi phí là 3.034.125đồng. Và 200.000 đồng tiền Ủy thác Tư Pháp theo phiếu thu số 0036999 ngày 22/01/2020 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Kiên Giang;bà T đã nộp xong.

5. Về án phí: Bà Nguyễn Thị T phải chịu tiền án phí DSST không giá ngạchlà 600.000 đồng; Được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 600.000 đồng theo hai biên lai thu số 0001332 ngày 3/01/2018 , biên lai số 0001391 ngày 18/3/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Biên, bà Tđã nộp xong.

6. Các đương sự có mặt tại phiên Toà sơ thẩm có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được tống đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật. Đối với ông Nguyễn Văn N1có quyền kháng cáo trong thời hạn 12 tháng, kể từ ngày tuyên án.

7.*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung.*

* Nơi nhận:
- TAND cấp cao tại Tp.HCM;
- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- Cục THADS tỉnh Kiên Giang;
- Những người TGTT;
- Lưu tập án; Hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà

Lê Quang Tấn